TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/03/2020
"V/v:Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Khóa
2. Bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu – Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-HN&GĐ ngày 02/03/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm: 1986;

Trú tại: phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1987;

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Chị H và anh T đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, chị H trình bày:*

Chị H và anh Nguyễn Thanh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 08/05/2013 tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Trước khi cưới anh chị đã sống như vợ chồng từ năm 2005, sinh con Nguyễn Quang D vào ngày 20/7/2006. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuối năm 2013 anh T đi lao động tại Đài Loan, đến năm 2014 vợ chồng nảy sinh

nhiều mâu thuẫn, từ đó đến nay anh chị không quan tâm, chăm sóc nhau. Năm 2019, anh T về Việt Nam nhưng không về với mẹ con chị mà về mẹ đẻ ở tại: Xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- ***Về quan hệ con chung:*** Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quang D, sinh ngày 20/7/2006 và Nguyễn Hải N, sinh ngày 12/4/2013, hiện hai con đang sống cùng chị H, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được chăm sóc và nuôi dưỡng hai con, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- ***Về tài sản, công nợ chung***: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về án phí***: Chị H tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Đài Loan vì anh chị chấm dứt liên lạc từ lâu.

Tòa án đã về gia đình gặp bà Nguyễn Thị A là mẹ đẻ của anh T và yêu cầu bà cung cấp địa chỉ của anh T tại Đài Loan nhưng bà không cung cấp được địa chỉ của anh T. Bà A xác định anh T thường xuyên liên lạc về gia đình, năm 2013 anh T đi lao động tại Đài Loan, đầu năm 2019 anh T về nước một thời gian nhưng anh T không về sống cùng chị H mà về ở cùng bà, vợ chồng anh T sống không hạnh phúc, chị H ở cùng nhà ngoại tại Hải Dương và không về thăm gia đình chồng. Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 20/7/2006 và Nguyễn Hải N, sinh ngày 12/4/2013, hiện hai cháu đang sống cùng mẹ. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho gia đình, gia đình đã thông báo cho anh T được biết việc chị H có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh T và gia đình là đồng ý ly hôn chị H, nhất trí để chị H được nuôi hai con. Do hiện nay anh T đang sống bất hợp pháp tại Đài Loan nên anh T không thể về Việt Nam để giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Tại công văn số 1157/QLXNC-P5 ngày 22/01/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an xác định anh Nguyễn Thanh T, CMND số: 142240xxx, khai địa chỉ thường trú tại: Xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương xuất cảnh lần cuối ngày 30/03/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng cơ bản đảm bảo quy định của pháp luật tuy nhiên việc thu thập tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 476 BLTTDS; đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử nên không phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ vào lời khai của các đương sự, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải

Dương, trên cơ sở xem xét, đánh giá khách quan, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tại Công văn của Cục xuất nhập cảnh xác định anh T hiện đã xuất cảnh qua cửa khẩu Quốc tế Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Đài Loan, Tòa án yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh T nhưng gia đình không cung cấp được. Tuy nhiên, gia đình xác định anh T thường xuyên liên lạc về gia đình và đã thông báo cho anh T biết việc chị H có đơn xin ly hôn anh T và đề nghị được nuôi hai con nhưng anh T không gửi văn bản ghi ý kiến về cho Tòa án. Ngoài ra, Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Nên áp dụng công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Chị H có quan điểm xin được xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn cho đến khi hết thời hạn xét xử theo Điều 476 BLTTDS. Đây là trường hợp bị đơn giấu địa chỉ nên không thực hiện theo quy định tại Điều 476 BLTTDS và không thuộc trường hợp tạm ngừng phiên tòa. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành làm việc với gia đình anh T là bà A (mẹ đẻ anh T) và đã yêu cầu bà A cung cấp địa chỉ của anh T tại nước ngoài tuy nhiên bà không cung cấp được, do vậy Tòa án đã tống đạt những văn bản tố tụng cho anh T thông qua bà A, bà đã thông báo nội dung văn bản cho anh T là phù hợp với quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 08/05/2013 tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuối năm 2013 anh T đi lao động tại Đài Loan, đến năm 2014 vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, từ đó đến nay anh chị không quan tâm, chăm sóc nhau. Năm 2019, anh T về Việt Nam nhưng không về với mẹ con chị mà về mẹ đẻ ở tại: Xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Do vậy cần giải quyết cho chị H được ly hôn anh T để cả hai cùng ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Quang D, sinh ngày 20/7/2006 và Nguyễn Hải N, sinh ngày 12/4/2013, hiện hai con đang sống

cùng chị H. Ly hôn, chị H có nguyện vọng xin được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Bà A là mẹ đẻ anh T có quan điểm xác định gia đình và anh T nhất trí để chị H được nuôi con, hơn nữa cháu cháu D và cháu N cũng có quan điểm xin được ở với mẹ. Nên để đảm bảo quyền lợi của đứa trẻ cần giao cháu D và cháu N cho chị H chăm sóc và nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Quang D, sinh ngày 20/7/2006 và Nguyễn Hải N, sinh ngày 12/4/2013 cho chị Lê Thị H chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi hai con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0009635 ngày 05/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử sơ thẩm công khai, Chị H và anh T vắng mặt tại phiên tòa. Chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án; anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;

- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;

- UBND xã phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Mạc Minh Quang